

Trường MN Định An

**HÓA ĐƠN ĐI CHỢ**

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)  
 Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)  
 Số trẻ: 33  
 Số tiền mỗi trẻ: 37,000

**Thực đơn:**

Sáng: Nui sò nấu thịt bò, khoai tây, nấm bào ngư, hành tây  
 - Uống sữa Netsure  
 Trưa: Com trắng  
 - Canh củ dền, su su nấu thịt heo  
 - Cá cờ sốt cà chua, hành, ngò  
 - Rau muống luộc  
 Xế: Pudding  
 Chiều: Miến tôm tươi, củ cải, cải ngọt.

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
* CHỢ					
1	0695	Dầu thực vật Tường An	250	7,850	19,625
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0524	Nước mắm loại II	200	4,950	9,900
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,100	2,560	28,160
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,360	5,360
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	6,300	3,150
9	0185	Tỏi ta	50	7,560	3,780
10	N0937	Nui sò	500	3,520	17,600
11	0286	Thịt bò loại II	400	37,380	149,520
12	0037	Khoai tây	100	4,520	4,520
13	N0778	Nấm bào ngư	100	12,710	12,710
14	0121	Hành tây	100	3,680	3,680
15	0654	Phi lê cá cờ	1,000	23,100	231,000
16	0087	Cà chua	300	6,300	18,900
17	N0795	Củ dền	200	5,250	10,500
18	0180	Su su	200	3,360	6,720
19	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,900	56,700
20	0748	Rau muống	0	3,470	0
21	0038	Miến dong	500	5,720	28,600
22	0424	Tôm sú	300	36,540	109,620
23	0103	Củ cải trắng	100	3,150	3,150
24	0190	Cải ngọt	100	4,410	4,410
25	0646	Bánh pudding	1,320	11,800	155,760
26	0457	Sữa bột toàn phần	1,580.41	20,500	323,984

Tổng chợ	1,220,999
Tổng tiền thực phẩm	1,220,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	453
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	16,761,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	16,761,001

P.Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Anh Phương

Ngô Thị Ngọc Lan



